TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị H với anh M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Anh Dũng;
Ông Đào Xuân Hải.
- *Thư ký phiên toà:* Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà*: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị H, sinh năm 1996. (có mặt);
Nơi thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
- Bị đơn: anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994. (có đơn xin vắng mặt);
Nơi thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày 10/11/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, chị và anh M có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh M ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói cung, thường xuyên cãi vã, khi xẩy ra mâu thuẫn vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 8/2021, sau đó chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh M.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 10/3/2017; Nguyễn Minh H2, sinh ngày 11/4/2020, hiện các con đang ở với anh M.

Nay chị để anh M nuôi 02 con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H có mặt và giữ nguyên trình bầy trên.

* Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo, anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị H về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, do đó vợ chồng có xẩy ra mâu thuẫn. Tháng 8/2021, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, khi vợ chồng anh xẩy ra mâu thuẫn thì gia đình có hòa giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung như chị H trình bầy là đúng, hiện anh đang nuôi 02 con. Ly hôn, anh nhận nuôi con 02 con chung, anh xác định có đủ điều kiện để nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh M có đơn xin vắng mặt.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tung dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử:

Cho chị Lâm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: giao cho anh M nuôi 02 con chung, về cấp dưỡng nuôi con, anh M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị H xin ly hôn với anh M và tranh chấp về nuôi con, anh M có nơi cư trú tại thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị H kết hôn cùng anh Nguyễn Văn M ngày 10/11/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Đến tháng 8/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh M. Anh M cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân, nay anh nhất trí ly hôn. Như vậy, có thể thấy vợ chồng chị H, anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho chị H được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 10/3/2017; Nguyễn Minh H2, sinh ngày 11/4/2020 hiện các con đang ở với anh M. Nay anh M nhận nuôi 02 con và chị H đồng ý để anh M nuôi con. Mặt khác, cháu H1 đã trên 7 tuổi và có nguyện vong được ở với bố. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung khi ly hôn, cần giao cho anh M nuôi hai con là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lâm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: giao cho anh Nguyễn Văn M nuôi 02 con Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 10/3/2017; Nguyễn Minh H2, sinh ngày 11/4/2020. Về cấp dưỡng nuôi con

không đặt ra xem xét

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003345 ngày 06/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặt niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnTân Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy